

Số: 01/2026/QĐST-KDTM

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2026/TLST-KDTM ngày 20/01/2026 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1).

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Ngọc Q, chức danh: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân Miền B – Trung tâm xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân (theo văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025 của Chủ tịch HĐQT V1).

Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Lý Bình D1, chức vụ: cán bộ xử lý nợ (theo giấy uỷ quyền số 170/2025/UQN-KHCM02 ngày 09/9/2025 của Ngân hàng V).

Bị đơn: Anh Lê Viết T, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về trách nhiệm trả nợ: V1 và anh Lê Viết T thống nhất anh Lê Viết T chịu trách nhiệm trả cho V1 tính đến ngày 11/3/2026 số tiền 755,832,956 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 11/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng cho vay số:

LN2308180039564 (LD2324301129) ký ngày 30/08/2023, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/8/2023.

Trường hợp anh Lê Viết T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ4257V324, số máy MC114450230517201027; số khung LZZ1CLVB7PA125699; Biển kiểm soát: 20C-263.14 do Phòng CSGT – Công an huyện P cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20001264 ngày 25/08/2023 được thế chấp tại V1 theo hợp đồng thế chấp số LN2308180039564 ký ngày 30/08/2023.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Lê Viết T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho V1.

Về thời hạn trả nợ: Ngày 20/3/2026, anh Lê Viết T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số dư nợ còn lại kể cả nợ gốc và lãi suất phát sinh kể từ ngày 12/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số: LN2308180039564 (LD2324301129) ký ngày 30/08/2023, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/8/2023.

Về án phí:

- Anh Lê Viết T phải chịu 17.116.659 đồng (mười bảy triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng) tiền án phí dân sự nộp Ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.742.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000256 ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Về chi phí tố tụng: Anh Lê Viết T phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. V1 đã nộp đủ 1.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng và đã chi phí xong. Anh Lê Viết T phải có trách nhiệm trả cho V1 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- L-- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Vũ Duy Chính****Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).